

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY ĐỘC LẬP - Tự do - Hạnh phúc  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP

Số: 525 /QĐ-ĐLĐK

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM- CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/01/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con;

Căn cứ kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 950/TTr - ĐLĐK ngày 30/5/2023,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 256/QĐ-ĐLĐK ngày 09/8/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng/Trưởng các Ban liên quan của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các TV HĐQT TCT (e-copy);
- TGĐ TCT (e-copy);
- Các PTĐ TCT (e-copy);
- BKS TCT (e-copy);
- Các Ban/VP TCT;
- Lưu: VT, KTKH, HĐQT.

**Đính kèm:**

- Quy chế Công bố thông tin.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH****Hoàng Văn Quang**

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| CHƯƠNG I.....  | 2  |
| NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....   | 2  |
| Điều 1. Mục đích .....   | 2  |
| Điều 2. Phạm vi điều chỉnh .....   | 2  |
| Điều 3. Đối tượng áp dụng .....  | 2  |
| Điều 4. Giải thích từ ngữ.....   | 2  |
| Điều 5. Các tài liệu liên quan .....                                     | 4  |
| Điều 6. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin .....         | 4  |
| Điều 7. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin.....                        | 5  |
| Điều 8. Người thực hiện công bố thông tin .....                          | 5  |
| Điều 9. Tài liệu công bố thông tin.....                                  | 6  |
| Điều 10. Phương tiện và cách thức gửi thông tin công bố.....             | 6  |
| Điều 11. Tạm hoãn công bố thông tin .....                                | 7  |
| Điều 12. Bảo quản, lưu giữ thông tin công bố.....                        | 8  |
| CHƯƠNG II.....   | 8  |
| CÁC LOẠI THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ .....                                     | 8  |
| Điều 13. Các loại thông tin cần công bố.....                             | 8  |
| CHƯƠNG III .....   | 9  |
| CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....                            | 9  |
| Điều 14. Công bố thông tin của các đối tượng khác .....                  | 9  |
| CHƯƠNG IV .....  | 10 |
| QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN .....  | 10 |
| Điều 15. Các bước thực hiện công bố thông tin.....                       | 10 |
| CHƯƠNG V .....   | 11 |
| TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM .....                                       | 11 |
| Điều 16. Trách nhiệm của các bên liên quan .....                         | 11 |
| Điều 17. Thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm về công bố thông tin..... | 12 |
| CHƯƠNG VI .....  | 12 |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....   | 12 |
| Điều 18. Điều khoản thi hành.....  | 12 |
| PHỤ LỤC 01. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ                                    |    |
| PHỤ LỤC 02. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG                                 |    |
| PHỤ LỤC 03. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU                               |    |
| PHỤ LỤC 04. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC                     |    |
| PHỤ LỤC 05. BIỂU MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN                                   |    |

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

TẠI TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-ĐLĐK ngày 30 tháng 6 năm 2023  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần)

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích

Đảm bảo Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi là "Tổng công ty") tuân thủ theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với Công ty niêm yết.

#### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về thẩm quyền, trách nhiệm, hình thức, trình tự, thủ tục công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Tổng công ty.

Phạm vi điều chỉnh của quy chế này chỉ giới hạn trong các thông tin nêu tại Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 3, Phụ lục 04 của quy chế, không áp dụng rộng rãi cho việc cung cấp thông tin nói chung ra ngoài Tổng công ty.

#### Điều 3. Đối tượng áp dụng

a) Áp dụng cho các Ban/Văn phòng của Tổng công ty có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty niêm yết;

b) Tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Tổng công ty... (sau đây gọi chung là "Người nội bộ"); Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...).

#### Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

2. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

3. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

4. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

5. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

6. *Hệ thống công bố thông tin điện tử tại Sở Giao dịch Chứng khoán*: là hệ thống được Sở Giao dịch Chứng khoán sử dụng để tiếp nhận báo cáo, thông tin công bố của các đối tượng công bố thông tin.

**Điều 5. Các tài liệu liên quan**

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96/2020/TT-BTC”).
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 14/7/2021 ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam ngày 31/03/2022.
- Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng Việt Nam và Công ty con ban hành kèm theo quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ngày 21/02/2021.
- Các tài liệu, căn cứ pháp lý khác có liên quan.

**Điều 6. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin**

Các đối tượng quy định tại Điều 3 Quy chế này thực hiện công bố thông tin theo các hướng dẫn sau:

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Tổng công ty do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 8 Quy chế này.

5. Hoạt động công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Thông tin công bố cần phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

6. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin công bố nội dung thay đổi và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

7. Các đối tượng thực hiện công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin công bố, chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Sở Giao dịch Chứng khoán chỉ là nơi để các đối tượng thực hiện công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

### **Điều 7. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin**

1. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

2. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo. Khuyến khích các đối tượng thực hiện thêm công bố thông tin bằng tiếng Anh.

### **Điều 8. Người thực hiện công bố thông tin**

Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty.

1. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà người đại diện theo pháp luật và người

được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì các thành viên còn lại của Ban Điều hành thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

2. Tổng công ty báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Biểu số 08 Phụ lục 05, Bản cung cấp thông tin theo Biểu số 09 Phụ lục 05 ban hành kèm theo Quy chế này.

#### **Điều 9. Tài liệu công bố thông tin**

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

a) Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.

b) Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;

- Đối với văn bản giấy của Tổng công ty: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử: Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);

#### **Điều 10. Phương tiện và cách thức gửi thông tin công bố**

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty;

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

2. Các nội dung bắt buộc trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty:

a) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Tổng công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này.

b) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

6. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

7. Tổng công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

8. Cách thức gửi thông tin công bố:

Tổng công ty thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này theo hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., Tổng công ty gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho Sở Giao dịch Chứng khoán biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để Sở Giao dịch Chứng khoán hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

### **Điều 11. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Tổng công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện



(trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

### **Điều 12. Bảo quản, lưu giữ thông tin công bố**

Tổng công ty bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm;

2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm.

## **CHƯƠNG II**

### **CÁC LOẠI THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ**

#### **Điều 13. Các loại thông tin cần công bố**

1. Công bố thông tin định kỳ

Tổng công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này.

2. Công bố thông tin bất thường

Tổng công ty thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Phụ lục 02 Quy chế này.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Phụ lục 03 Quy chế này.

4. Công bố thông tin về các hoạt động khác

a) Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Tổng công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

b) Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

c) Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

d) Tổng công ty công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Tổng công ty là công ty đại chúng quy mô lớn được xác định theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn sau:

a) Trong vòng 01 năm kể từ ngày Tổng công ty không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Tổng công ty tiếp tục thực hiện công bố thông tin như là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này.

b) Trong vòng năm (05) ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn, Tổng công ty gửi thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với theo Biểu số 07 Phụ lục 05 ban hành kèm theo Quy chế này.

### CHƯƠNG III

## CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

### Điều 14. Công bố thông tin của các đối tượng khác

Người nội bộ của Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục số 04 Quy chế này.

## CHƯƠNG IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 15. Các bước thực hiện công bố thông tin

#### Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 1 ngày làm việc.

Khi phát sinh các thông tin phải công bố định kỳ, bộ phận Quan hệ cổ đông thông báo tới các Ban có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố. Các Ban liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận Quan hệ cổ đông chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố.

Thông tin của các Ban liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin. Trưởng các Ban liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của thông tin chuyển cho Ban Kinh tế Kế hoạch.

#### Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các Ban liên quan cung cấp, Ban Kinh tế Kế hoạch thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo hướng dẫn tại các mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật; Đối với công bố thông tin định kỳ, việc xử lý thông tin được thực hiện trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin; Đối với công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu, việc xử lý thông tin được thực hiện ngay trong ngày.

- Trình lãnh đạo xem xét và phê duyệt.

#### Bước 3: Phê duyệt công bố thông tin

- Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực ký tờ trình Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị công ty trước ngày phải công bố thông tin theo quy định ít nhất 07 ngày làm việc; Hội đồng quản trị phê duyệt công bố thông tin trước ngày Tổng công ty phải công bố thông tin theo quy định ít nhất 05 ngày làm việc.

- Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt tất cả các nội dung công bố thông tin ngoại trừ các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị (Báo cáo thường niên và Báo cáo tình hình quản trị công ty). Tổng Giám đốc Tổng công ty hoặc Người được ủy quyền công

bổ thông tin ký bản công bố thông tin ngay trong ngày nhận được báo cáo công bố thông tin.

- Tổng Giám đốc hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt nội dung đính chính lại thông tin đã công bố trong trường hợp các Ban liên quan phát hiện thông tin đã công bố không chính xác hoặc không khớp với Báo cáo tài chính đã soát xét/kiểm toán.

#### **Bước 4. Báo cáo và công bố**

Sau khi được phê duyệt, Ban Kinh tế Kế hoạch gửi văn bản công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Các Ban liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Ban Kinh tế Kế hoạch nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời đính chính.

#### **Bước 5. Bảo quản và Lưu trữ thông tin**

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Tổng công ty theo quy định tại Điều 12 Quy chế này

## **CHƯƠNG V**

### **TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của các bên liên quan**

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo thường niên và Báo cáo tình hình quản trị công ty.

2. Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm phê duyệt tất cả các nội dung công bố thông tin ngoại trừ các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị.

3. Phó Tổng giám đốc Phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm ký Tờ trình Hội đồng quản trị về Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị công ty.

#### **3. Trách nhiệm của Ban Kinh tế Kế hoạch:**

- Thông báo tới các Ban/Văn phòng Tổng công ty về các nội dung thông tin cần công bố định kỳ và thời hạn công bố.

- Là đầu mối tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin theo hướng dẫn tại các mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật, trình Lãnh đạo Tổng công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin thông qua.

- Chuyển cho Bộ phận Văn thư Tổng công ty phát hành và gửi Báo cáo Công bố thông tin theo hình thức điện tử qua Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Website Tổng công ty.

4. Trách nhiệm của các Ban/Văn phòng Tổng công ty:

- Chuyển các nội dung/văn bản phải công bố thông tin đến Ban Kinh tế Kế hoạch đúng thời hạn quy định tại Bước 1 Điều 15 Quy chế này.

- Thông tin của các Ban/Văn phòng Tổng công ty cung cấp phải được lập theo đúng mẫu (nếu có) và ký xác nhận nội dung của Trưởng ban hoặc Phó ban phụ trách.

- Các Ban/Văn phòng Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đúng thời hạn của thông tin chuyển cho Ban Kinh tế Kế hoạch.

5. Người nội bộ của Tổng công ty có trách nhiệm

- Cung cấp thông tin trong trường hợp có Quyết định bổ nhiệm và trong trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Mục số 17, 18 Phụ lục 02 Quy chế này.

- Thông báo dự kiến giao dịch cổ phiếu và Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định tại Phụ lục 04 Quy chế này.

**Điều 17. Thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Người nội bộ của Tổng công ty nếu có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà tự chịu trách nhiệm bị xử phạt theo Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Tổng giám đốc Tổng công ty có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp quy định của Tổng công ty đối với trường hợp các Ban/Văn phòng và cá nhân của Tổng công ty vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

**CHƯƠNG VI  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế Công bố thông tin được ban hành theo Quyết định số 256/QĐ-ĐLDK ngày 09/08/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin mà chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này hoặc có các văn bản pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy chế này thì các đối tượng nêu tại Điều 3 Quy chế này phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định./.

**PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố định kỳ, bộ phận Quan hệ cổ đông thông báo tới các Ban có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố. Các Ban liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận Quan hệ cổ đông chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu | Nội dung chi tiết  | Ban phụ trách         | Cấp phê duyệt CBTT                                       |
|-----|--|--------------------------------|--|---|------------------------------|-----|--|-----------------------|--|
| 1   | Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận      | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.               | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM |     | - Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;<br>- Tổng công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;<br>- Tổng công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.            | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin |
| 2   | Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM |     | - Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán. Báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng công ty, được lập theo quy định tại Mục 1 Phụ lục này;<br>- Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin |

**PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố định kỳ, bộ phận Quan hệ cổ đông thông báo tới các Ban có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố. Các Ban liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận Quan hệ cổ đông chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố.

| Stt  | Loại thông tin công bố             | Hình thức                      | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu                      | Nội dung chi tiết   | Ban phụ trách                                      | Cấp phê duyệt CBTT                                       |
|--|------------------------------------|--------------------------------|--|---|------------------------------|--------------------------|---|--|--|
| 3  | Báo cáo tài chính quý              | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.   | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM |                          | - Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán, được lập theo quy định tại Mục 1 Phụ lục này; | Ban Tài chính Kế toán                              | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin |
| <p>- Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Mục 1, 2 và 3 Phụ lục này, Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p> <p>- Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.</p> |                                    |                                |  |   |                              |                          |   |  |  |
| 4  | Báo cáo thường niên                | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 10               | - Theo mẫu quy định.<br>- Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.   | Ban Kinh tế Kế hoạch tổng hợp từ các Ban liên quan | Hội đồng quản trị  |
| 5  | Báo cáo tình hình quản trị công ty | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.   | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 11<br>Biểu số 14 | Tổng công ty phải công bố đồng thời với Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty và dữ liệu điện tử                              | Ban Kinh tế Kế hoạch tổng hợp từ các Ban liên quan | Hội đồng quản trị  |



**PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố định kỳ, bộ phận Quan hệ cổ đông thông báo tới các Ban có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố. Các Ban liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận Quan hệ cổ đông chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Nội dung chi tiết  | Ban phụ trách        | Cấp phê duyệt CBTT                                       |
|-----|--|--------------------------------|--|---|------------------------------|------------|--|----------------------|--|
| 6   | Đại hội đồng cổ đông thường niên   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM |            | - Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);<br>- Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn 24h. | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin |
| 7   | Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty và dữ liệu điện tử | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử |  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 15 |  | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin |
|     | Báo cáo quý 1  |                                | Chậm nhất 10/03  |   |                              |            | Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02  |                      |  |
|     | Báo cáo quý 2  |                                | Chậm nhất 10/06  |   |                              |            | Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05  |                      |  |
|     | Báo cáo quý 3  |                                | Chậm nhất 10/09  |   |                              |            | Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08  |                      |  |
|     | Báo cáo quý 4  |                                | Chậm nhất 10/12  |   |                              |            | Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11  |                      |  |

### PHỤ LỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Khi phát sinh các thông tin phải công bố định kỳ, bộ phận Quan hệ cổ đông thông báo tới các Ban có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố. Các Ban liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận Quan hệ cổ đông chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố.

| Stt | Loại thông tin công bố                        | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                      | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Nội dung chi tiết | Ban phụ trách        | Cấp phê duyệt CBTT                                       |
|-----|---|--------------------------------|---|---|------------------------------|------------|-------------------|----------------------|--|
| 8   | Tóm tắt sổ cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 16 |                   | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                  | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú  | Ban phụ trách         | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|---|---|------------------------------|------------|--|-----------------------|---|
| 1   | Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |  | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 2   | Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |  | Ban Tổ chức Nhân sự   | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 3   | Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 03 | Tổng công ty gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. | Ban Tổ chức Nhân sự   | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 4   | Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |  | Ban Tổ chức Nhân sự   | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 5   | Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty  | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |  | Ban Kinh tế Kế hoạch  | Tổng giám đốc hoặc Người                    |

*(Handwritten mark)*

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                  | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách        | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|---|---|------------------------------|------------|---------|----------------------|---|
|     | Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.      |                                |   | - Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM                           |                              |            |         |                      | được ủy quyền CBTT                          |
| 6   | Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 7   | Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 8   | Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng công ty, con dấu   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở             | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 04 |         | Ban Tổ chức Nhân sự  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố  | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                  | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách         | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|---|--------------------------------|---|---|------------------------------|------------|---------|-----------------------|---|
|     | của Tổng công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.  |                                |   | GDCK Tp HCM   |                              |            |         |                       |   |
| 9   | Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Pháp chế          | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 10  | Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 11  | Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 04 |         | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 12  | Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Đầu tư Xây dựng   | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố  | Hình thức                      | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách        | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|---|--------------------------------|--|---|------------------------------|------------|---------|----------------------|---|
| 13  | Quyết định bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 14  | Quyết định giải thể công ty con, công ty liên kết.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Tổ chức Nhân sự  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 15  | Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng công ty. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban liên quan        | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 16  | Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử |  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 05 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
|     | - Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu.   |                                | 24h tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả |   |                              |            |         |                      | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố  | Hình thức                      | Thời gian CBTT  | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu                      | Ghi chú   | Ban phụ trách                                      | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|---|--------------------------------|---|---|------------------------------|--------------------------|---|--|---|
|     |   |                                | chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.  |   |                              |                          |   |  |   |
|     | - Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ.  |                                | 24h tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.            |   |                              |                          |   |  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
|     | - Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.                                       |                                | Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin. |   |                              |                          |   |  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 17  | Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty). | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực.                   | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 01<br>Biểu số 09 | - Tổng công ty liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu | Ban Tổ chức Nhân sự, Người nội bộ của Tổng công ty | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT  | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú   | Ban phụ trách                 | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|---|---|------------------------------|------------|---|-------------------------------|---|
|     |  |                                |   |   |                              |            | và không sở hữu cổ phiếu)<br>- Trường hợp thông tin của người liên quan không được cung cấp thì ghi rõ: "người liên quan không cung cấp thông tin". |                               |   |
|     | Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Biểu số 09, Tổng công ty báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định tại Biểu số 02.                    | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh việc thay đổi. | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 02 |   | Người nội bộ của Tổng công ty |   |
| 18  | Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện                               | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |   | Ban Đầu tư Xây dựng           | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 19  | Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, người nội bộ của Tổng công ty tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện                               | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |   | Ban Tổ chức Nhân sự           | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |



**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                  | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách         | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|---|---|------------------------------|------------|---------|-----------------------|---|
| 20  | Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Pháp chế          | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 21  | Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 22  | Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Tổ chức Nhân sự   | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 23  | Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng công ty, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 24  | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch  | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố  | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                  | Phương tiện CBTT   | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách        | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|---|--------------------------------|---|--|------------------------------|------------|---------|----------------------|---|
| 25  | Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website<br>Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 26  | Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản<br>a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Mục 6 Phụ lục 01 Quy chế này;<br>b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử |   | - Website<br>Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 27  | Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu<br>a) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử |   | - Website<br>Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách         | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|--|---|------------------------------|------------|---------|-----------------------|---|
|     | trường hợp quy định tại điểm b mục này;<br>b) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.  |                                |  |   |                              |            |         |                       |   |
| 28  | Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính đó. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn theo quy định tại Mục 01, 02 Phụ lục 01 Quy chế này.  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 29  | Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Tài chính Kế toán | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 30  | Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện  | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Tổ chức Nhân sự   | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 02: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố bất thường, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo và gửi đến Bộ phận Quan hệ cổ đông trước thời gian phải công bố chậm nhất 01 ngày làm việc.

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT                                  | Phương tiện CBTT   | Nơi nhận                     | Mẫu        | Ghi chú | Ban phụ trách  | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|---|--|------------------------------|------------|---------|--|---|
| 31  | Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên hợp nhất gần nhất được soát xét. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website<br>Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Đầu tư Xây dựng, Ban Thương mại, Ban Tài chính Kế toán, Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 32  | Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).   | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | - Website<br>Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Biểu số 06 |         | Ban Đầu tư Xây dựng, Ban Thương mại, Ban Tài chính Kế toán, Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 03: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU**

| Stt | Loại thông tin công bố   | Hình thức                      | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT  | Nơi nhận                     | Ban phụ trách        | Cấp phê duyệt CBTT                          |
|-----|--|--------------------------------|--|---|------------------------------|----------------------|---|
| 1   | Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;  | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |
| 2   | Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. | - Văn bản<br>- Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán | - Website Tổng công ty<br>- Phương tiện CBTT của UBCKNN, Sở GDCK Tp HCM | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp HCM | Ban Kinh tế Kế hoạch | Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT |

**PHỤ LỤC 04: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

| Stt   | Loại thông tin công bố   | Hình thức       | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT                      | Nơi nhận   | Mẫu        | Ghi chú  | Người công bố thông tin       |
|---|--|-----------------|--|---------------------------------------|--|------------|--|-------------------------------|
| 1   | Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty |                 |  |                                       |  |            |  |                               |
|   | Tổng công ty phải công bố báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Cổ đông lớn                                | Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được Thông báo/Báo cáo của cổ đông lớn. | Website Tổng công ty                  |  |            |  | Ban Kinh tế Kế hoạch          |
| 2   | Công bố thông tin của người nội bộ của Tổng công ty  |                 |  |                                       |  |            |  |                               |
| <p>- Người nội bộ của Tổng công ty phải CBTT khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).</p> <p>- Giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng: là tổng giá trị giao dịch dự kiến tính theo mệnh giá trong từng tháng dương lịch (tính từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng dương lịch dự kiến giao dịch).</p> <p>- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Mục 2 Phụ lục này.</p> <p>- Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của Tổng công ty đại chúng thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ.</p> <p>- Người nội bộ phải thực hiện giao dịch theo đúng khối lượng đã đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin và giao dịch trong khoảng thời gian Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đã công bố trên trang thông tin điện tử và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.</p> |  |                 |  |                                       |  |            |  |                               |
|   | Công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch  | Văn bản         | Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc                    | Gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh<br>- Tổng công ty | Biểu số 12 | - Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin | Người nội bộ của Tổng công ty |

**PHỤ LỤC 04: CÔNG BỐ THÔNG CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

| Stt | Loại thông tin công bố  | Hình thức       | Thời gian CBTT   | Phương tiện CBTT                      | Nơi nhận   | Mẫu        | Ghi chú   | Người công bố thông tin       |
|-----|---|-----------------|--|---------------------------------------|--|------------|---|-------------------------------|
|     |   |                 |  |                                       |  |            | tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;<br>- Không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó. |                               |
|     | Công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) | Văn bản         | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch | Gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp | - UBCKNN<br>- Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh<br>- Tổng công ty | Biểu số 13 |   | Người nội bộ của Tổng công ty |
|     | Sau khi Tổng công ty nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan                                       | Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan  | Website Tổng công ty                  |  |            |   | Ban KTKH                      |
| 3   | Công bố thông tin của Người có liên quan của người nội bộ   |                 |  |                                       |  |            |   |                               |
|     | Tổng công ty phải công bố báo cáo liên quan đến Dự kiến giao dịch và Kết quả giao dịch của Người có liên quan của Người nội bộ                              | Dữ liệu điện tử | Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được Thông báo/Báo cáo của Người có liên quan của Người nội bộ  | Website Tổng công ty                  |  |            |   | Ban Kinh tế Kế hoạch          |

## PHỤ LỤC 5: BIỂU MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

| Số mẫu biểu | Tên mẫu biểu   |
|-------------|--|
| Biểu số 01  | Thông báo thay đổi nhân sự   |
| Biểu số 02  | Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ                                     |
| Biểu số 03  | Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp                                    |
| Biểu số 04  | Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính                             |
| Biểu số 05  | Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết                                   |
| Biểu số 06  | Công bố thông tin bất thường   |
| Biểu số 07  | Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn |
| Biểu số 08  | Giấy ủy quyền công bố thông tin  |
| Biểu số 09  | Bản cung cấp thông tin   |
| Biểu số 10  | Báo cáo thường niên  |
| Biểu số 11  | Báo cáo tình hình quản trị công ty   |
| Biểu số 12  | Thông báo giao dịch của người nội bộ   |
| Biểu số 13  | Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ  |
| Biểu số 14  | Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty   |
| Biểu số 15  | Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ                |
| Biểu số 16  | Tóm tắt số cổ đông   |



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ***(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày ... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày ..., của Tổng công ty... , chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Tổng công ty... như sau:

**Trường hợp bổ nhiệm:**

- Ông (bà):
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm:
- Chức vụ được bổ nhiệm:
- Thời hạn bổ nhiệm:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

**Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm:**

- Ông (bà):
- Không còn đảm nhận chức vụ:
- Lý do miễn nhiệm (nếu có):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày.../.../... tại đường dẫn....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;
- Bản cung cấp cấp thông tin (Biểu số 09).

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

Biểu số 02

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI  
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

**1. Người nội bộ**

- Ông (bà):
- Chức vụ hiện tại:

**2. Người có liên quan:**

- Ông (bà):
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:
- E-mail:
- Số ID, ngày cấp:
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan:
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/dại diện sở hữu:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày .../.../....., do (cơ quan)... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty chúng tôi như sau:

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax:
- E-mail:
- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi:

2. Thông tin sau khi thay đổi:

3. Lý do thay đổi (nếu có):

4. Ngày có hiệu lực:

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày .../.../..... tại đường dẫn ...

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- IGĐ TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**Tài liệu đính kèm:**

- Giấy phép hoạt động mới

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI)  
MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần xin thông báo về việc đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ: Fax:
- E-mail:
- Website:

**I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi:**

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc
- Có đơn vị kế toán trực thuộc
- Có công ty con
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này):

- BCTC riêng của công ty
- BCTC tổng hợp
- BCTC hợp nhất

**II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)**

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc
- Có đơn vị kế toán trực thuộc

- Có công ty con
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con
- 2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này:
  - BCTC riêng của công ty
  - BCTC tổng hợp
  - BCTC hợp nhất
- 3. Lý do thay đổi:
- 4. Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (đề b/c);
- TGD TCT (đề b/c);
- Ban KS TCT (đề b/c);
- Lưu: VT, ...

**Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.

**TUQ. TÔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

Biểu số 05

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ:
- E-mail:
- Website:

Fax:

| STT | Nội dung                              | Trước khi thay đổi | Thay đổi | Sau khi thay đổi | Lý do thay đổi |
|-----|---------------------------------------|--------------------|----------|------------------|----------------|
| 1   | Vốn điều lệ (VNĐ)                     |                    |          |                  |                |
| 2   | Tổng số cổ phiếu                      |                    |          |                  |                |
| 3   | Số lượng cổ phiếu quỹ                 |                    |          |                  |                |
| 4   | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết |                    |          |                  |                |
| 5   | Số lượng cổ phiếu khác (nếu có)       |                    |          |                  |                |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (đề b/c);
- TGD TCT (đề b/c);
- Ban KS TCT (đề b/c);
- Lưu: VT, ...

**Tài liệu đính kèm:**

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ:
- E-mail:

Fax:

2. Nội dung thông tin công bố:

.....  
(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../..... tại đường dẫn ...

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VJ, ...

**Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLDK

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI  
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức:
- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ:
- E-mail:
- Website:

Fax:

2. Ngày trở thành tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

3. Ngày không còn là tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

4. Ngày kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGĐ TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”)** (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin):

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty: ...

- Mã chứng khoán:

- Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: ..... Email:.....- Website: .....

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”):**

- Ông (Bà):

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu): .....

Ngày cấp..... Nơi cấp

- Địa chỉ thường trú:

- Chức vụ tại tổ chức, công ty:

**III. Nội dung ủy quyền:**

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A.

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên công ty).

**BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT**

**BÊN B**

**Tài liệu đính kèm:**

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo Biểu mẫu 09.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng ... năm.....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

- 1/ Họ và tên:
- 2/ Giới tính:
- 3/ Ngày tháng năm sinh:
- 4/ Nơi sinh:
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): .....
- Ngày cấp ..... Nơi cấp.....
- 6/ Quốc tịch:
- 7/ Dân tộc:
- 8/ Địa chỉ thường trú:
- 9/ Số điện thoại:
- 10/ Địa chỉ email:
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin:
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- 14/ Số CP nắm giữ: ..... chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
  - + Cá nhân sở hữu:
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* :

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

| Stt | Mã C | Họ tên | Tài khoản giao | Chức vụ tại công | Mối quan hệ | Loại hình Giấy | Số Giấy NSH (*)/NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trú sở | Số cổ phiế | Tỷ lệ sở hữu | Thời điểm bắt đầu là | Thời điểm không | Lý do (khi phát sinh thay | Ghi chú (về |
|-----|------|--------|----------------|------------------|-------------|----------------|---------------------|----------|---------|----------------|------------|--------------|----------------------|-----------------|---------------------------|-------------|
|-----|------|--------|----------------|------------------|-------------|----------------|---------------------|----------|---------|----------------|------------|--------------|----------------------|-----------------|---------------------------|-------------|

| 1         | 2 | 3                   | 4           | 5                   | 6                    | 7                   | 8             | 9              | 10                         | 11                                     | 12 | 13 | 14             | 15             | 16                    | 17                                       |
|-----------|---|---------------------|-------------|---------------------|----------------------|---------------------|---------------|----------------|----------------------------|--|----|----|----------------|----------------|-----------------------|--|
| 1         |   | Nguyễn Văn A        | xxxxxx<br>x | Chủ tịch HĐQT<br>T  |                      | CMND                | 0241234<br>56 | 17/12/20<br>15 | HCM City's Public Security | 16 Võ Văn Kiệt, District 1, HCM C      |    |    | 01/01/20<br>20 | 15/05/20<br>20 | Miên nhiệm            |  |
| 1.0<br>1  |   | Nguyễn Thị B        | yyyyyy<br>y |                     | Vợ                   | CMND                | 0251234<br>56 | 11/05/20<br>16 | HCM City's Public Security | 1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, District 1, HCM C |    |    | 04/05/20<br>18 |                |                       |  |
| 1.0<br>2  |   |                     |             |                     |                      |                     |               |                |                            |  |    |    |                |                |                       |  |
| 15        |   | Nguyễn Văn C        | zzzzzz<br>z | Kế toán trưởng<br>B |                      | CMND<br>ID Card No. | 0201234<br>56 | 11/02/20<br>11 | Public Security            |  |    |    | 14/03/20<br>20 |                | Bổ nhiệm<br>Appointed |  |
| 15.2<br>5 |   | Nguyễn Thị D        |             |                     | Con<br>Chị d         |                     |               |                |                            |  |    |    |                |                |                       | No ID Card                               |
| 15.2<br>6 |   | Công ty Cổ phần ABC |             |                     | Tổ chức có liên quan | GCNĐK<br>D N        | 3012345<br>6  | 15/10/20<br>14 |                            |  |    |    | 15/04/20<br>20 |                | Bổ nhiệm              | Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 10

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

## BÁO CÁO Thường niên năm

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có):
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):
- Các sự kiện khác:

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

#### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp):
- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết):

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty:
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng Công ty.

5. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Tổng công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...).

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,....

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Tổng công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp Tổng công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu             | Năm X-1 | Năm X | % tăng giảm |
|----------------------|---------|-------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản |         |       |             |

|                                   |  |  |  |
|-----------------------------------|--|--|--|
| Doanh thu thuần                   |  |  |  |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh |  |  |  |
| Lợi nhuận khác                    |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế              |  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế                |  |  |  |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        |  |  |  |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu  | Năm<br>X-1 | Năm X | Ghi chú |
|---|------------|-------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán<br>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn<br>+ Hệ số thanh toán nhanh:<br>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho<br>Nợ ngắn hạn   |            |       |         |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn<br>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản<br>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu   |            |       |         |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động<br>+ Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân<br>+ Vòng quay tổng tài sản:<br>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân  |            |       |         |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời<br>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần<br>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu<br>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản<br>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần |            |       |         |

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hay cam kết của người sở hữu.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

#### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

#### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

#### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

#### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

#### 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, Tổng công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc (Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Tổng công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Tổng công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Những tiến bộ Tổng công ty đã đạt được.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

##### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).



6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### **V. Quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Tổng công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Tổng công ty phát hành).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

### Nơi nhận:

- ....;
- Lưu: VT, ...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**(6 tháng/năm)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

- Tên công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

Fax:

Email:

- Vốn điều lệ:

- Mã chứng khoán:

- Mô hình quản trị Tổng công ty:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc.

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định. | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------|----------|
|     |                           |      |          |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

| Stt | Thành viên HDQT | Chức vụ (thành viên HDQT độc lập, TVHDQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập |                 |
|-----|-----------------|---|---|-----------------|
|     |                 |   | Ngày bổ nhiệm   | Ngày miễn nhiệm |
|     |                 |   |   |                 |

|        |  |  |
|--------|--|--|
| Ông/Bà |  |  |
|--------|--|--|

## 2. Các cuộc họp HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT/ | Số buổi họp HĐQT tham dự/ | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------|
|     | Ông/Bà           |                           |                   |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

## 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

## 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------|----------|-----------------|
|     |                           |      |          |                 |

## III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm):

## 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------------------|---------|--|---------------------|
|     | Ông/Bà                           |         |  |                     |

## 2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
|     | Ông/Bà                           |                     |                   |                  |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:

## 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cận bộ quản lý khác:

## 5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

## IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|--|
|     | Ông/ Bà                  |                     |                     |  |

## V. Kế toán trưởng

| Họ và tên | Ngày tháng năm | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn |
|-----------|----------------|---------------------|---------------------|
|           |                |                     |                     |

|  |      |           |       |
|--|------|-----------|-------|
|  | sinh | nghịệp vụ | nhiệm |
|  |      |           |       |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

**VII. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của Tổng công ty với chính Tổng công ty****1. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty |
|-----|---------------------|--|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---|---|-------|--|
|     |                     |  |                                   |                                     |                                       |   |   |       |  |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).*

**2. Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với Tổng công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|--|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---|--|---------|
|     |                     |  |                                     |                                       |                                      |   |  |         |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.*

**3. Giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát.**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại Tổng công ty | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|--------------------------|--|---------|--|---------------------|--|---------|
|     |                           |                          |                          |  |         |  |                     |  |         |

## 4. Giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

4.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của Tổng công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

## 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| stt | Họ tên                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | (Tên người nội bộ)                      |  |                                   |                                      |                 |                            |                               |         |
|     | Tên người có liên quan của người nội bộ |  |                                   |                                      |                 |                            |                               |         |
|     | ...                                     |  |                                   |                                      |                 |                            |                               |         |
| 2   |   |  |                                   |                                      |                 |                            |                               |         |

## 2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Tổng công ty

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |  |
|     |                           |                          |                           |       |                            |       |  |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác**

**Nơi nhận:**

- ...;
- Lưu: VT, ...

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

0:35 03/07/2023 - Ngô Minh Trang - Ban Kinh tế kế hoạch - 10:35 03/07/2023 - Ngô Minh Trang - Ban Kinh tế kế hoạch - 10:35 03/07/2023 - Ngô Minh Trang

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO**  
**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh;
- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch:

- Họ và tên:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:....., ngày cấp:....., nơi cấp.....:
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại: ..... Email:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:

2. Mã chứng khoán giao dịch:

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm):

3. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 2: ..... tại công ty chứng khoán: .....

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi):

- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch:

6. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá).

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

8. Mục đích thực hiện giao dịch:

9. Phương thức giao dịch:

10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày.... đến ngày ....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC**  
**ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày      tháng      năm

**BÁO CÁO**  
**Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh;
- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao:

- Họ và tên:.....
- Quốc tịch:.....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:....., ngày cấp:....., nơi cấp.....:
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có):
- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có): ..... và ngày không còn là người nội bộ của công ty đại chúng: ..... (nếu rõ lý do):

*\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ của công ty đại chúng.*

2. Mã chứng khoán giao dịch:

3. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 2: ..... tại công ty chứng khoán:.....

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng):

- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch:

6. Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/hoán đổi)

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi):

- Số lượng cổ phiếu đã giao dịch:

7. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá):

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch:

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch:

9. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*:

10. Phương thức giao dịch:

11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày..... đến ngày.....

12. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký):

\*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC**

**ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**Kỳ báo cáo: 6 tháng/Năm**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

| STT |   | Câu hỏi  | Phần trả lời |
|-----|---|--|--------------|
| 1   | <b>Thông tin chung</b>                          | Mã chứng khoán   |              |
| 2   |   | Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%)  |              |
| 3   |   | Mô hình công ty (1 hoặc 2)<br>1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020<br>2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 |              |
| 4   |   | Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty?  |              |
| 5   |   | Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không)  |              |
| 6   | <b>Đại hội đồng<br/>Cổ đông thường<br/>niên</b> | Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên  |              |
| 7   |   | Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo   |              |
| 8   |   | Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông   |              |
| 9   |   | Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3)  |              |
| 10  |   | Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)                               |              |
| 11  |   | Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông                     |              |
| 12  |   | Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc   |              |

|    |   |   |   |
|----|---|---|---|
|    |   | nhỏ, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông  |   |
| 13 | <b>Hội đồng quản trị</b>  | Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị   |   |
| 14 |   | Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập   |   |
| 15 |   | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không)   |   |
| 16 |   | Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị   |   |
| 17 |   | Tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không)  |   |
|    |   | Tên các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị   |   |
| 18 |   | Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)   |   |
|    |   |   |   |
| 19 | <b>Ban Kiểm soát</b>  | Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không?  |   |
| 20 |   | Số lượng TV Ban Kiểm soát   |   |
| 21 |   | Trong đó có bao nhiêu kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên   |   |
| 22 |   | Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có)     |   |
| 23 |   | Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý (liệt kê danh sách và chức vụ, nếu có)  |   |
| 24 |   | Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 6 tháng trước khi được bầu vào BKS (Có/Không) |   |
| 25 |   | Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát   |   |
| 26 |   | Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không (Có/Không)  |   |
| 27 |   | Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc bộ phận nào? (HDQT/BGD/BKS/Khác)  |   |
| 28 |   | Số lượng thành viên Ban kiểm toán nội bộ  |   |
| 29 |   | Số lượng cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ  |   |
| 30 |   | <b>Vấn đề khác</b>  | Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không) |
| 31 | Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên |   |   |

|    |   |  |
|----|---|--|
|    | (Có/Không)  |  |
| 32 | Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không). |  |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

Biểu số 15

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ  
CỔ PHIẾU QUỸ**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

| Mã chứng khoán          | STT | Đối tượng                                 | Phân loại cổ đông   |                    |             | Số CMND/số đăng ký sở hữu lưu ký | Ngày cấp, nơi cấp | Số lượng CP nắm giữ | Số lượng CP ã được lưu ký | Ngày chốt danh sách ở hữu | Ghi chú |
|-------------------------|-----|---|---|--------------------|-------------|----------------------------------|-------------------|---------------------|---------------------------|---------------------------|---------|
|                         |     |   | Cổ đông nhà nước  | Cổ đông chiến lược | Cổ đông lớn |                                  |                   |                     |                           |                           |         |
|                         |     |   | <b>I. Cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn</b> |                    |             |                                  |                   |                     |                           |                           |         |
|                         |     | Tên cá nhân/ tổ chức (tên người đại diện) |   |                    |             |                                  |                   |                     |                           |                           |         |
| <b>II. Cổ phiếu quỹ</b> |     |   |   |                    |             |                                  |                   |                     |                           |                           |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

Biểu số 16

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm

## TÓM TẮT SỞ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY \_ ĐỀ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

## I. CƠ CẤU SỞ HỮU:

## 1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

| STT              | Đối tượng                               | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) |         |
|------------------|---|-------------------|------------------|------------------|--------------------|---------|
|                  |   |                   |                  |                  | Tổ chức            | Cá nhân |
| 1                | Cổ đông Nhà nước                        |                   |                  |                  |                    |         |
| 2                | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI           |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước                            |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài                            |                   |                  |                  |                    |         |
| 3                | Cổ đông lớn                             |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước                            |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài                            |                   |                  |                  |                    |         |
| 4                | Công đoàn Công ty                       |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước                            |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài                            |                   |                  |                  |                    |         |
| 5                | Cổ phiếu quỹ                            |                   |                  |                  |                    |         |
| 6                | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) |                   |                  |                  |                    |         |
| 7                | Cổ đông khác                            |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước                            |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài                            |                   |                  |                  |                    |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |   |                   |                  |                  |                    |         |

|                               |  |  |  |  |  |
|-------------------------------|--|--|--|--|--|
| <i>Trong đó: - Trong nước</i> |  |  |  |  |  |
| <i>- Nước ngoài</i>           |  |  |  |  |  |

## 2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

| STT              | Đối tượng   | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) |         |
|------------------|---|-------------------|------------------|------------------|--------------------|---------|
|                  |   |                   |                  |                  | Tổ chức            | Cá nhân |
| 1                | Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước  |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài  |                   |                  |                  |                    |         |
| 2                | NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên               |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước  |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài  |                   |                  |                  |                    |         |
| 3                | NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL                            |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Trong nước  |                   |                  |                  |                    |         |
|                  | - Nước ngoài  |                   |                  |                  |                    |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |   |                   |                  |                  |                    |         |

### Ghi chú:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 11 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn
- (\*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình

## 3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

### a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập

| Đối tượng        | Số lượng CP trước phát hành/ sáp nhập |                     | Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập |                     | Số lượng CP sau phát hành thêm/ sáp nhập |                     |           |                  |
|------------------|---------------------------------------|---------------------|---|---------------------|--|---------------------|-----------|------------------|
|                  | Hạn chế chuyển nhượng                 | Chuyển nhượng tự do | Hạn chế chuyển nhượng                       | Chuyển nhượng tự do | Hạn chế chuyển nhượng                    | Chuyển nhượng tự do | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| I. Người nội bộ  |                                       |                     |   |                     |  |                     |           |                  |
| II. Cổ phiếu quỹ |                                       |                     |   |                     |  |                     |           |                  |



|                                 |  |  |  |  |  |  |  |
|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| III. Công đoàn<br>Công ty       |  |  |  |  |  |  |  |
| IV. Cổ phiếu ưu<br>đãi (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
| V. Cổ đông khác                 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Trong nước                   |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 Cá nhân                     |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 Tổ chức                     |  |  |  |  |  |  |  |
| - Trong đó Nhà<br>nước:         |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nước ngoài                   |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 Cá nhân                     |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 Tổ chức                     |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                |  |  |  |  |  |  |  |

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

| Đối tượng                                       | SL trái<br>phiếu<br>chuyển<br>đổi sở hữu | SL trái<br>phiếu<br>được<br>chuyển<br>đổi | Số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái<br>phiếu (cổ phiếu) |                           |           | Tỷ lệ SH<br>CP mới<br>trên tổng số<br>CP được<br>chuyển đổi<br>(%) |
|---|--|---|---|---------------------------|-----------|--|
|   |  |   | Hạn chế<br>chuyển<br>nhượng                                   | Chuyển<br>nhượng<br>tự do | Tổng cộng |  |
| I. Người nội bộ                                 |  |   |   |                           |           |  |
| II. Cổ phiếu quỹ                                |  |   |   |                           |           |  |
| III. Cổ đông sở hữu cổ<br>phiếu ưu đãi (nếu có) |  |   |   |                           |           |  |
| IV. Cổ đông khác                                |  |   |   |                           |           |  |
| 1. Trong nước                                   |  |   |   |                           |           |  |
| 1.1 Cá nhân                                     |  |   |   |                           |           |  |
| 1.2 Tổ chức                                     |  |   |   |                           |           |  |
| - Trong đó Nhà nước:                            |  |   |   |                           |           |  |
| 2. Nước ngoài                                   |  |   |   |                           |           |  |
| 2.1 Cá nhân                                     |  |   |   |                           |           |  |
| 2.2 Tổ chức                                     |  |   |   |                           |           |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                |  |   |   |                           |           |  |

## c/ Các trường hợp khác:

| Đối tượng                                   | Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng | Số lượng CP chuyển nhượng tự do | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|-----------------------------------|---------------------------------|-----------|------------------|
| I. Người nội bộ                             |                                   |                                 |           |                  |
| II. Cổ phiếu quỹ                            |                                   |                                 |           |                  |
| III. Công đoàn Công ty                      |                                   |                                 |           |                  |
| IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) |                                   |                                 |           |                  |
| V. Cổ đông khác                             |                                   |                                 |           |                  |
| <b>I. Trong nước</b>                        |                                   |                                 |           |                  |
| 1.1 Cá nhân                                 |                                   |                                 |           |                  |
| 1.2 Tổ chức                                 |                                   |                                 |           |                  |
| - Trong đó Nhà nước:                        |                                   |                                 |           |                  |
| <b>2. Nước ngoài</b>                        |                                   |                                 |           |                  |
| 2.1 Cá nhân                                 |                                   |                                 |           |                  |
| 2.2 Tổ chức                                 |                                   |                                 |           |                  |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                           |                                   |                                 |           |                  |

## II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

| STT                          | Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Ngày cấp | Địa chỉ | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**) |
|------------------------------|---------------------|-----------------------|----------|---------|-------------------|------------------|--|
| <b>A. Cổ đông nhà nước</b>   |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
|                              |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
|                              |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
| <b>Tổng Cộng A</b>           |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
| <b>B. Cổ đông lớn</b>        |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
|                              |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
|                              |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
| <b>Tổng Cộng B</b>           |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
| <b>C. Cổ đông chiến lược</b> |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
|                              |                     |                       |          |         |                   |                  |  |
|                              |                     |                       |          |         |                   |                  |  |

|   |  |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>Tổng Cộng C</b>  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)</b> |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng Cộng D</b>  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng Cộng (A+B+C+D)</b>  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có).

**III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ****1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập**

| STT               | Họ tên | Chức vụ | Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập |                     | Số lượng CP sau phát hành/ sáp nhập |                        |           |                      |
|-------------------|--------|---------|---|---------------------|-------------------------------------|------------------------|-----------|----------------------|
|                   |        |         | Hạn chế chuyển nhượng                       | Chuyển nhượng tự do | Hạn chế chuyển nhượng(*)            | Chuyển nhượng tự do(*) | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) (*) |
|                   |        |         |   |                     |                                     |                        |           |                      |
|                   |        |         |   |                     |                                     |                        |           |                      |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |        |         |   |                     |                                     |                        |           |                      |

**Ghi chú/ Note:** Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (\*)

**2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu**

| STT              | Họ tên | Chức vụ | SL CP được chuyển đổi từ trái phiếu |                         | Tổng SL CP sở hữu sau khi chuyển đổi trái phiếu thành CP/ |                         |           |                      |
|------------------|--------|---------|-------------------------------------|-------------------------|---|-------------------------|-----------|----------------------|
|                  |        |         | Hạn chế chuyển nhượng(*)            | Chuyển nhượng tự do (*) | Hạn chế chuyển nhượng(*)                                  | Chuyển nhượng tự do (*) | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) (*) |
|                  |        |         |                                     |                         |   |                         |           |                      |
|                  |        |         |                                     |                         |   |                         |           |                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |        |         |                                     |                         |   |                         |           |                      |

**Ghi chú:** Nếu người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (\*)

## 3/ Trường hợp khác

| STT               | Họ tên | Chức vụ | Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*) | Cổ phần chuyển nhượng tự do(*) | Tổng cộng (*) | Tỷ lệ sở hữu % (*) |
|-------------------|--------|---------|-------------------------------------|--------------------------------|---------------|--------------------|
|                   |        |         |                                     |                                |               |                    |
|                   |        |         |                                     |                                |               |                    |
|                   |        |         |                                     |                                |               |                    |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |        |         |                                     |                                |               |                    |

**Ghi chú:** Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (\*)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- Ban KS TCT (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**